

107/2024 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG ĐỒNG NAI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 210/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4ĐN001, VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 29 tháng 8 năm 2024)

Chèn	Độ sâu	7 ₅	10°44'58.81"N	106°46'39.12"E
		9 ₉	10°45'04.15"N	106°46'40.76"E
		14	10°45'06.59"N	106°46'44.40"E
		26 ₅	10°45'06.03"N	106°46'48.80"E
		9 ₁	10°45'08.88"N	106°46'42.79"E
Xoá	Độ sâu	7 ₇	10°44'58.25"N	106°46'39.18"E
		9	10°45'08.88"N	106°46'42.74"E
		9 ₉	10°45'04.27"N	106°46'41.33"E
		29	10°45'05.03"N	106°46'49.86"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS 84)

107/2024 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – DONG NAI CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No. 210/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4ĐN001, VN4SG003 (Edition No. 2, updated on August 29th, 2024)

Insert	Depth	7 ₅	10°44'58.81"N	106°46'39.12"E
		9 ₉	10°45'04.15"N	106°46'40.76"E
		14	10°45'06.59"N	106°46'44.40"E
		26 ₅	10°45'06.03"N	106°46'48.80"E
		9 ₁	10°45'08.88"N	106°46'42.79"E
Delete	Depth	7 ₇	10°44'58.25"N	106°46'39.18"E
		9	10°45'08.88"N	106°46'42.74"E
		9 ₉	10°45'04.27"N	106°46'41.33"E
		29	10°45'05.03"N	106°46'49.86"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
